



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TÀI SẢN THAM GIA BẢO HIỂM CHÁY, NỔ NĂM 2026 -2027**

(Đính kèm Thông báo chào giá số 337 /TB-BVAB ngày 21/11/2026)

Đơn vị: VND

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>496.618.766.705</b>	<b>468.671.014.141</b>	<b>468.671.014.141</b>
<b>I</b>	<b>Nhà cửa</b>			<b>451.784.900.000</b>	<b>442.749.202.000</b>	<b>442.749.202.000</b>
1	Khu nhà mới (tài trợ) - Khu A	1	2021	451.784.900.000	442.749.202.000	442.749.202.000
<b>II</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ chuyên môn (từ 500 triệu trở lên):</b>			<b>26.079.865.728</b>	<b>15.572.599.648</b>	<b>15.572.599.648</b>
1	Máy Xquang di động (tài trợ)	1	2021	1.458.689.000	547.008.375	547.008.375
2	Máy giúp thở chức năng cao (tài trợ)	1	2021	580.000.000	217.500.000	217.500.000
3	Máy siêu âm tim màu xách tay 3 đầu dò (tài trợ)	1	2021	700.000.000	262.500.000	262.500.000
4	Máy xét nghiệm HbA1c tự động ADAMS/TM A1c - Model: HA-8190V (tài trợ)	1	2021	750.176.728	281.316.273	281.316.273
5	Máy siêu âm doppler màu, chuyên tim	1	2022	1.330.000.000	665.000.000	665.000.000
6	Máy siêu âm tổng quát	1	2022	870.000.000	435.000.000	435.000.000
7	Máy đo loãng xương toàn thân tia X	1	2022	790.000.000	395.000.000	395.000.000
8	Máy giúp thở chức năng cao	3	2022	2.256.000.000	1.128.000.000	1.128.000.000
9	Hệ thống phẫu thuật nội soi Tai Mũi Họng	1	2022	2.150.000.000	1.075.000.000	1.075.000.000
10	Máy đo điện cơ	1	2022	650.000.000	325.000.000	325.000.000
11	Máy IPL	1	2022	560.000.000	280.000.000	280.000.000
12	Hệ thống CT Scan ≤ 64 lát cắt	1	2023	7.150.000.000	4.468.750.000	4.468.750.000
13	Hệ thống nội soi tiêu hóa đại tràng	1	2023	1.952.400.000	1.220.250.000	1.220.250.000
14	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não - Anton Hipp GmbH - Đức	1	2025	747.600.000	654.150.000	654.150.000
15	Máy siêu âm tổng quát. Model: Affiniti 30. Năm sx: 2024. Hãng sx: Philips Ultrasound LLC. Mỹ	1	2025	1.590.000.000	1.391.250.000	1.391.250.000
16	Hệ thống nội soi tiêu hóa dạ dày. Model CV-190. Olympus. Nhật Bản	1	2025	2.545.000.000	2.226.875.000	2.226.875.000
<b>III.</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ chuyên môn (dưới 500 triệu):</b>			<b>15.947.519.527</b>	<b>8.760.708.073</b>	<b>8.760.708.073</b>
1	Mua cửa cắt bột cho K. Chinh hình	1	2019	18.700.000	2.337.500	2.337.500
2	Máy hút dịch phẫu thuật	1	2020	22.600.000	5.650.000	5.650.000
3	Bàn bó bột inox K.CTCH	1	2020	17.000.000	4.250.000	4.250.000
4	Bộ đặt nội khí quản khó người lớn K.Cấp cứu	1	2020	24.960.000	6.240.000	6.240.000
5	Máy hút dịch phẫu thuật	1	2020	22.600.000	5.650.000	5.650.000
6	Bàn sưởi âm trẻ sơ sinh	1	2021	12.000.000	4.500.000	4.500.000
7	Máy chạy thận nhân tạo (tài trợ)	5	2020	2.250.000.000	562.500.000	562.500.000
8	Máy đo huyết áp tự động (tài trợ)	1	2021	70.000.000	26.250.000	26.250.000

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
9	Hệ thống làm ẩm thở Oxy dòng cao (tài trợ)	7	2021	490.000.000	183.750.000	183.750.000
10	Máy in phim Xquang khô y tế (tài trợ)	1	2021	190.050.000	71.268.750	71.268.750
11	Bộ đặt nội khí quản có camera (tài trợ)	1	2021	90.000.000	33.750.000	33.750.000
12	Monitor 5 thông số (tài trợ)	1	2021	58.500.000	21.937.500	21.937.500
13	Bộ đặt nội khí quản có camera (tài trợ)	1	2021	120.000.000	45.000.000	45.000.000
14	Bơm tiêm điện (tài trợ)	4	2021	96.000.000	36.000.000	36.000.000
15	Máy giúp thở Flight T60 (tài trợ)	1	2021	420.000.000	157.500.000	157.500.000
16	Monitor 5 thông số CMS8000 (tài trợ)	3	2021	69.000.000	25.875.000	25.875.000
17	Monitor 5 thông số 7000Plus (tài trợ)	2	2021	50.000.000	18.750.000	18.750.000
18	Máy điện tim 6 cần ECG-1250K (tài trợ)	1	2021	53.000.000	19.875.000	19.875.000
19	Máy giúp thở cao cấp MV2000 EVO5 (tài trợ)	2	2021	900.000.000	337.500.000	337.500.000
20	Máy giúp thở cao cấp MV2000 EVO5 (tài trợ)	1	2021	450.000.000	168.750.000	168.750.000
21	Máy giúp thở cao cấp MV2000 EVO5 (tài trợ)	1	2021	450.000.000	168.750.000	168.750.000
22	Máy giúp thở cao cấp MV2000 EVO5 (tài trợ)	1	2021	450.000.000	168.750.000	168.750.000
23	Máy nén khí cho máy thở TiA-2000 (tài trợ)	1	2021	50.000.000	18.750.000	18.750.000
24	Máy nén khí cho máy thở TiA-2000 (tài trợ)	1	2021	50.000.000	18.750.000	18.750.000
25	Máy nén khí cho máy thở TiA-2000 (tài trợ)	1	2021	50.000.000	18.750.000	18.750.000
26	Máy nén khí cho máy thở TiA-2000 (tài trợ)	2	2021	100.000.000	37.500.000	37.500.000
27	Máy xét nghiệm khí máu Model: EasyBloodGas (tài trợ)	1	2021	242.000.000	90.750.000	90.750.000
28	Máy phân tích điện giải EasyLyte Expand - Model: EasyLyte Expand (tài trợ)	1	2021	120.000.000	45.000.000	45.000.000
29	Máy phân tích điện giải EasyLyte Expand - Model: EasyLyte Expand (tài trợ)	1	2021	120.000.000	45.000.000	45.000.000
30	Máy phân tích nhóm máu tự động đồng bộ - Model: Magister C24 (tài trợ)	1	2021	269.200.527	100.950.198	100.950.198
31	Bộ dụng cụ đại phẫu	2	2022	140.000.000	70.000.000	70.000.000
32	Bộ dụng cụ trung phẫu	2	2022	104.000.000	52.000.000	52.000.000
33	Bộ đặt nội khí quản có camera	1	2022	95.000.000	47.500.000	47.500.000
34	Máy hút dịch (hút đàm)	1	2022	16.000.000	8.000.000	8.000.000
35	Máy làm ẩm dịch truyền và máu	1	2022	27.000.000	13.500.000	13.500.000

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
36	Máy bơm tiêm giảm đau tự kiểm soát PCA	1	2022	88.000.000	44.000.000	44.000.000
37	Bộ đèn đặt nội khí quản khó	1	2022	24.000.000	12.000.000	12.000.000
38	Máy hút dịch	1	2022	16.000.000	8.000.000	8.000.000
39	Bộ đèn led đặt nội khí quản	1	2022	13.500.000	6.750.000	6.750.000
40	Bộ dụng cụ khám Tai Mũi Họng	1	2022	49.000.000	24.500.000	24.500.000
41	Bồn rửa dụng cụ/ Rửa tay	1	2022	16.500.000	8.250.000	8.250.000
42	Bồn rửa dụng cụ/ Rửa tay	1	2022	16.500.000	8.250.000	8.250.000
43	Ghế nha khoa	1	2022	145.000.000	72.500.000	72.500.000
44	Máy nội nha	2	2022	64.000.000	32.000.000	32.000.000
45	Giường hồi sức cấp cứu đa năng	5	2022	425.000.000	212.500.000	212.500.000
46	Máy rửa dạ dày hệ thống kín	1	2022	43.000.000	21.500.000	21.500.000
47	Máy đo chỉ số ABI	1	2022	73.000.000	36.500.000	36.500.000
48	máy điều trị bằng sóng siêu âm	1	2022	65.000.000	32.500.000	32.500.000
49	Máy hút dịch	1	2022	27.000.000	13.500.000	13.500.000
50	Monitor theo dõi sản khoa	2	2022	80.000.000	40.000.000	40.000.000
51	Hệ thống Holter đo huyết áp 24 giờ	1	2022	70.000.000	35.000.000	35.000.000
52	Hoter theo dõi tim mạch 24H/24H	1	2022	169.000.000	84.500.000	84.500.000
53	Máy điện tim 3 cần	1	2022	42.000.000	21.000.000	21.000.000
54	Máy điện tim 3 cần	1	2022	42.000.000	21.000.000	21.000.000
55	Máy điện tim 3 cần	1	2022	42.000.000	21.000.000	21.000.000
56	Bơm tiêm điện	1	2022	25.500.000	12.750.000	12.750.000
57	Máy điện tim 12 cần	1	2022	99.000.000	49.500.000	49.500.000
58	Máy điện tim 6 cần	1	2022	65.000.000	32.500.000	32.500.000
59	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SPO2) trong máu	1	2022	14.100.000	7.050.000	7.050.000
60	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SPO2) trong máu	1	2022	14.100.000	7.050.000	7.050.000
61	Máy điện tim 3 kênh	1	2023	38.800.000	24.250.000	24.250.000
62	Máy truyền dịch	1	2023	36.500.000	22.812.500	22.812.500
63	Máy điều trị bằng sóng xung kích	1	2023	298.000.000	186.250.000	186.250.000
64	Máy kích thích điện + đo trương lực cơ	1	2023	249.000.000	155.625.000	155.625.000
65	Sensor kỹ thuật số X-Quang quanh chóp HDR-500	1	2024	45.675.000	34.256.250	34.256.250
66	Máy đo thị trường (thị trường kế tự động) Moddel: IVS-201A, NSX: TQ	1	2024	188.000.000	141.000.000	141.000.000
67	Ống soi quang học 0 độ đường kính 2,7mm dài 100mm. Model: ENJ, mã SP: Y3050.27. Youshi - TQ	2	2024	35.500.000	26.625.000	26.625.000
68	Ống soi quang học 0 độ đường kính 4mm dài 175mm. Model: ENJ, mã SP: Y3010. Youshi - TQ	1	2024	15.625.000	11.718.750	11.718.750
69	Ống soi quang học 30 độ đường kính 4mm dài 175mm. Model: ENJ, mã SP: Y3013. Youshi - TQ	2	2024	31.250.000	23.437.500	23.437.500

BỆNH AN

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
70	Đèn điều trị vàng da, Model: JW-PU1000. NSX: TQ	1	2024	49.100.000	36.825.000	36.825.000
71	Tủ nguồn bảo vệ mắt trung tính 150A,100A. TQ	2	2024	49.420.000	37.065.000	37.065.000
72	Máy kích thích nuốt (Máy điều trị khó nuốt 4 kênh)	1	2023	135.000.000	84.375.000	84.375.000
73	Máy ly tâm Ritofic 32A	2	2023	224.000.000	140.000.000	140.000.000
74	Máy khoan xương implant	1	2023	59.000.000	36.875.000	36.875.000
75	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	1	2023	33.500.000	20.937.500	20.937.500
76	Bộ dụng cụ ghép da	1	2023	36.500.000	22.812.500	22.812.500
77	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	1	2023	28.500.000	17.812.500	17.812.500
78	Bộ dụng cụ khám khúc xạ	1	2023	17.900.000	11.187.500	11.187.500
79	Máy lắc tiêu cầu	1	2023	95.300.000	59.562.500	59.562.500
80	Máy làm ấm dịch truyền - máu	1	2023	35.000.000	21.875.000	21.875.000
81	Máy theo dõi Sản khoa	1	2023	87.000.000	54.375.000	54.375.000
82	Đèn mổ di động	1	2023	183.000.000	114.375.000	114.375.000
83	Kèm phẫu thuật hàm cá sấu Model: 5FR/1.6MM, WL 600MM. Đức	1	2025	18.300.000	16.012.500	16.012.500
84	Máy laser điều trị (Máy laser điều trị K670) KEYLASER - Trung quốc	1	2025	275.500.000	241.062.500	241.062.500
85	Máy laser FRACTION CO2 K106 KEYLASER - Trung quốc	1	2025	303.779.000	265.806.625	265.806.625
86	Bộ dụng cụ vi phẫu thần kinh - Anton Hipp GmbH - Đức	1	2025	447.300.000	391.387.500	391.387.500
87	Đèn điều trị vàng da, Bistos - Hàn quốc	1	2025	39.900.000	34.912.500	34.912.500
88	Hộp đựng dụng cụ trung phẫu - Trung quốc	2	2025	37.780.000	33.057.500	33.057.500
89	Hộp đựng dụng cụ đại phẫu - Trung quốc	2	2025	48.780.000	42.682.500	42.682.500
90	Máy soi vein. Model: NAVI-60. MEDCAPTAIN, Trung Quốc	1	2025	122.300.000	107.012.500	107.012.500
91	Máy soi vein. Model: NAVI-60. MEDCAPTAIN, Trung Quốc	1	2025	122.300.000	107.012.500	107.012.500
92	Máy soi vein. Model: NAVI-60. MEDCAPTAIN, Trung Quốc	1	2025	122.300.000	107.012.500	107.012.500
93	Máy soi vein. Model: NAVI-60. MEDCAPTAIN, Trung Quốc	1	2025	122.300.000	107.012.500	107.012.500
94	Máy soi vein. Model: NAVI-60. MEDCAPTAIN, Trung Quốc	1	2025	122.300.000	107.012.500	107.012.500
95	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SpO2) trong máu cầm tay. Model: PULSE. Andromeda, LLC, Mỹ	1	2025	23.500.000	20.562.500	20.562.500
96	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SpO2) trong máu cầm tay Model: PULSE. Andromeda, LLC, Mỹ	1	2025	23.500.000	20.562.500	20.562.500

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
97	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SpO2) trong máu cầm tay Model: PULSE. Andromeda, LLC, Mỹ	1	2025	23.500.000	20.562.500	20.562.500
98	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SpO2) trong máu cầm tay. Model: PULSE. Andromeda, LLC, Mỹ	1	2025	23.500.000	20.562.500	20.562.500
99	Máy đo nồng độ bão hòa oxy (SpO2) trong máu cầm tay. Model: PULSE. Andromeda, LLC, Mỹ	1	2025	23.500.000	20.562.500	20.562.500
100	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn LED. Invidia Medical GmbH & Co. KG, Đức	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500
101	Bộ đèn đặt nội khí quản nhi, sơ sinh. Invidia Medical GmbH & Co. KG, Đức	1	2025	42.500.000	37.187.500	37.187.500
102	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến. Anton Hipp GmbH/ Đức	1	2025	362.000.000	316.750.000	316.750.000
103	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa gan mật. Anton Hipp GmbH/ Đức	1	2025	354.000.000	309.750.000	309.750.000
104	Máy Hematocrit. Model: HAEMATOKRIT 200. Andreas Hettich GmbH & Co. KG/Đức	1	2025	87.900.000	76.912.500	76.912.500
105	Bộ dụng cụ tiểu phẫu. Anton Hipp GmbH/ Đức	4	2025	156.000.000	136.500.000	136.500.000
106	Máy hút phẫu thuật. Model: Vaculine Maxi. Bicakcilar - Thổ Nhĩ Kỳ	1	2025	49.000.000	42.875.000	42.875.000
107	Đèn tẩy trắng. Model: BE-818UL. Beyond International Inc. Trung Quốc	1	2025	73.000.000	63.875.000	63.875.000
108	Máy cao vôi răng bằng siêu âm. Model: PM25. TPC Advanced Technology INC - Mỹ	1	2025	25.000.000	21.875.000	21.875.000
109	Bộ dụng cụ đỡ đẻ. Anton Hipp GmbH/ Đức	4	2025	93.200.000	81.550.000	81.550.000
110	Bộ dụng cụ may tăng sinh môn. Anton Hipp GmbH/ Đức	4	2025	66.400.000	58.100.000	58.100.000
111	Máy Dopler tim thai. Model: ECOsound. MEDICAL ECONET GMBH. Hàn Quốc	3	2025	43.200.000	37.800.000	37.800.000
112	Bộ dụng cụ phẫu thuật TMH. Anton Hipp GmbH/ Đức	1	2025	465.600.000	407.400.000	407.400.000
113	Máy laser châm cứu. Model: A302Plus. Việt Nam	1	2025	65.000.000	56.875.000	56.875.000
114	Máy truyền dịch. Model TE-LF630. Terufusion Infusion Pump Type LF3. Nhật bản	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
115	Máy truyền dịch. Model TE-LF630. Terufusion Infusion Pump Type LF3. Nhật bản	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500
116	Máy truyền dịch. Model TE-LF630. Terufusion Infusion Pump Type LF3. Nhật bản	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500
117	Máy truyền dịch. Model TE-LF630. Terufusion Infusion Pump Type LF3. Nhật bản	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500
118	Máy truyền dịch. Model TE-LF630. Terufusion Infusion Pump Type LF3. Nhật bản	1	2025	38.500.000	33.687.500	33.687.500
119	Máy phá rung, tạo nhịp tim. Model TEC-5631. NIHON KOHDEN. Nhật Bản	1	2025	200.000.000	175.000.000	175.000.000
120	Bồn rửa tay. Model BR -01. Việt Nam	1	2025	35.000.000	30.625.000	30.625.000
121	Bồn rửa dụng cụ. Model CR-01. Việt Nam	1	2025	19.000.000	16.625.000	16.625.000
122	Bồn rửa dụng cụ. Model CR-01. Việt Nam	1	2025	19.000.000	16.625.000	16.625.000
123	Bộ dụng cụ phẫu thuật cấy ghép răng. Nước sx: pakistan	2	2025	112.000.000	98.000.000	98.000.000
124	Giường nội soi. Model: XC-07. Việt Nam	4	2025	72.000.000	63.000.000	63.000.000
125	Kính hiển vi 2 mắt. Model: BIO1B-LED. Nước sx: Italia	2	2025	51.000.000	44.625.000	44.625.000
126	Màn hình máy đo thị lực điện tử. Model: ACP-300. Trung quốc	1	2025	18.000.000	14.400.000	14.400.000
<b>IV.</b>	<b>Tài sản khác (dưới 500 triệu):</b>			<b>2.806.481.450</b>	<b>1.588.504.420</b>	<b>1.588.504.420</b>
1	Máy in mã vạch Sato WS408TT 203dpi, NSX: TQ	3	2024	34.650.000	20.790.000	20.790.000
2	Máy chụp hình KTS ZV-E10L/BQ AP2	1	2024	17.200.000	10.320.000	10.320.000
3	Máy HP Scanjet Pro 3000 s4	1	2022	11.977.900	2.395.580	2.395.580
4	Máy chiếu Panasonic Japan PT-VW360	1	2025	23.690.700	18.952.560	18.952.560
5	Giường bệnh	23	2022	575.000.000	287.500.000	287.500.000
6	Giường bệnh	1	2022	25.000.000	12.500.000	12.500.000
7	Giường bệnh	8	2022	200.000.000	100.000.000	100.000.000
8	Giường bệnh	4	2022	100.000.000	50.000.000	50.000.000
9	Giường bệnh	9	2022	225.000.000	112.500.000	112.500.000
10	Giường bệnh	1	2022	25.000.000	12.500.000	12.500.000
11	Giường bệnh	4	2022	100.000.000	50.000.000	50.000.000
12	Giường bệnh	5	2023	54.500.000	34.062.500	34.062.500
13	Giường bệnh	6	2023	65.400.000	40.875.000	40.875.000
14	Giường bệnh	15	2023	163.500.000	102.187.500	102.187.500
15	Giường bệnh	4	2023	43.600.000	27.250.000	27.250.000

STT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị tham gia bảo hiểm
16	Giường bệnh	10	2023	109.000.000	68.125.000	68.125.000
17	Giường bệnh	10	2023	109.000.000	68.125.000	68.125.000
18	Giường bệnh	10	2023	109.000.000	68.125.000	68.125.000
19	Giường bệnh	13	2023	141.700.000	88.562.500	88.562.500
20	Giường bệnh	14	2023	152.600.000	95.375.000	95.375.000
21	Giường bệnh	13	2023	141.700.000	88.562.500	88.562.500
22	Tủ Inox 304 dày 1mm	1	2024	13.090.000	9.817.500	9.817.500
23	Tủ thuốc Inox 304 dày 1mm	1	2024	26.180.000	19.635.000	19.635.000
24	Tủ Inox cửa lùa TT-09 - Việt Nam	1	2024	10.250.000	7.687.500	7.687.500
25	Tủ Inox cửa cánh TT-16 - Việt Nam	1	2024	14.000.000	10.500.000	10.500.000
26	Tủ thuốc Inox	1	2024	11.900.000	8.925.000	8.925.000
27	Bàn chậu inox 2 hộc 2 vòi cảm ứng	1	2019	19.800.000	2.475.000	2.475.000
28	Tủ inox 1330 x 450 x 1400 mm	1	2019	17.600.000	2.200.000	2.200.000
29	Tủ thuốc	1	2022	19.360.000	9.680.000	9.680.000
30	Tủ inox 2 ngăn AB	1	2022	18.810.000	9.405.000	9.405.000
31	Tủ inox 2 ngăn AB	1	2022	18.810.000	9.405.000	9.405.000
32	Tủ inox 2 ngăn AB	1	2022	18.700.000	9.350.000	9.350.000
33	Tủ đựng ống nội soi	1	2022	46.000.000	23.000.000	23.000.000
34	Xe tiêm	2	2023	47.000.000	29.375.000	29.375.000
35	Tủ mát Alaska LC633H	1	2024	13.800.050	8.280.030	8.280.030
36	Máy hút âm không khí	1	2023	12.574.800	7.859.250	7.859.250
37	Máy nước nóng lạnh KAD-N89 KAROFI - VN	1	2025	13.200.000	11.550.000	11.550.000
38	Tủ Lạnh chuyên dùng (Tủ mát) VH-8009HP3 SANAKY	1	2025	22.500.000	19.687.500	19.687.500
39	Bộ cấp nguồn liên tục UPS 3KVA-HR1103S	1	2025	21.780.000	19.057.500	19.057.500
40	Máy hút âm công nghiệp Kossmen KM-60S	1	2025	13.608.000	11.907.000	11.907.000



## PHỤ LỤC 2: MẪU CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo mời chào giá số: .../TB-BVAB ngày .../.../2026)

Công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện An Bình

Địa chỉ: 146 An Bình, Phường An Đông, TP. Hồ Chí Minh

Theo Thông báo mời chào giá số ..... /TB-BVAB ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện An Bình, Công ty... báo giá như sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
<b>Tổng cộng:</b>						

#### Ghi chú:

- Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có)
- Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)
- Cung cấp dịch vụ đáp ứng theo yêu cầu tại Phụ lục 1 được đính kèm trong Thông báo mời chào giá
- Báo giá có hiệu lực.... từ ngày chào giá./.